

Số: 35/2018/QĐST - HNGĐ

Hà Trung, ngày 18 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 95/2017/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn GM, xã HL, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ Quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trương Văn C – Văn phòng luật sư Bim Sơn.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn GM, xã HL, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

Chị Đỗ Thị M, sinh năm 1981

Chị Đỗ Thị H2, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Thôn GM, xã HL, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 147, Điều 157 BLTTDS; Điều 6; khoản 7 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10/5/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn H1.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn H1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Công C sinh ngày 20/12/2000 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H1. Chị Phạm Thị H3, sinh năm 1996 là con chung, hiện đã thành niên và tự lập được.

Chị H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ: Chị H, anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết; Chị H, anh H1, chị M và chị H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nợ.

- Về án phí: Chị H, anh H1 thỏa thuận, chị H chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp là 10.300.000đ (*Mười triệu ba trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung theo biên lai thu số AA/2015/0004722 ngày 14/8/2017. Trả lại cho chị H 10.150.000đ (*Mười triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp.

Trả lại cho anh Phạm Văn H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2017/0000111 ngày 13/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Về lệ phí: Chị Đỗ Thị H chịu 1.450.000đ (*Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lệ phí thẩm định tài sản. Chị H đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

